

Số: 14 /2020/NQ-HĐND

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quy định việc phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Sóc Trăng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 205/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua nội dung phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

b) Đối tượng áp dụng:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

2. Nguyên tắc áp dụng tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư và nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025

a) Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg và Nghị quyết này là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2021 - 2025 của các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước; là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

b) Các cấp, các ngành thực hiện đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công, tính toán hợp lý cơ cấu nguồn lực ngân sách tỉnh và cấp huyện, bảo đảm ngân sách tỉnh giữ vai trò chủ đạo.

c) Các nhiệm vụ, chương trình, dự án do cấp nào quản lý, sử dụng thì ngân sách cấp đó đảm bảo nhiệm vụ chi đầu tư.

3. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025

Ngân sách địa phương chi đầu tư các đối tượng quy định tại Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 5 Luật Đầu tư công và quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

4. Tỷ lệ phân bổ chi đầu tư ngân sách các cấp đối với các nguồn vốn

Nhằm đảm bảo phù hợp với thực tế phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của Nhà nước và năng lực quản lý của mỗi cấp trên địa bàn; phù hợp với tính chất, đặc điểm của nguồn vốn đầu tư và khả năng cân đối vốn của các cấp ngân sách, quy định tỷ lệ phân bổ chi đầu tư như sau:

a) Tỷ lệ phân bổ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương (sau khi đã trừ các khoản trợ cấp có mục tiêu cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố theo chương trình chung (nếu có) của tỉnh): Ngân sách cấp tỉnh 65%, ngân sách huyện, thị xã, thành phố 35% (tính điểm tiêu chí, định mức).

b) Tỷ lệ phân bổ nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: Thực hiện theo phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu ngân sách của các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương, tỉnh Sóc Trăng (riêng năm 2021: ngân sách cấp tỉnh 40%; ngân sách cấp huyện 60%).

c) Tỷ lệ phân bổ nguồn vốn xổ số kiến thiết: Ngân sách cấp tỉnh 100%.

Các nguồn vốn ngân sách khác do địa phương quản lý nếu có phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét cụ thể báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh. Đối với các nguồn vốn tài trợ, nếu các quy định của nhà tài trợ khác với quy định của Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của nhà tài trợ.

5. Kế hoạch đầu tư và quản lý đầu tư xây dựng của ngân sách huyện, thị xã, thành phố

a) Thực hiện theo các nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển và bố trí vốn đầu tư cho các công trình, dự án tại khoản 2 Điều 1;

b) Việc phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư và phân bổ vốn đầu tư gắn liền với việc tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của địa phương. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ giao tổng vốn đầu tư cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố, tính chất và mục tiêu của các nguồn vốn được giao, trong trường hợp cần thiết Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ giao mức vốn yêu cầu tối thiểu đối với một số ngành, mục tiêu. Việc phân bổ vốn đầu tư cho các giai đoạn đầu tư, các ngành, địa bàn, dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố sau khi đã thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp;

c) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm cân đối, bố trí vốn trong phạm vi tổng vốn đầu tư được giao hàng năm, sau khi đã cân đối, bố trí đủ vốn trả nợ, hoàn tạm ứng ngân sách (nếu có);

d) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm bố trí đủ vốn theo tiến độ thực hiện dự án, không được vượt thời hạn hoàn thành đối với từng nhóm dự án theo quy định và phải đảm bảo không để nợ đọng giá trị khối lượng hoàn thành theo đúng quy định của Luật Đầu tư công;

đ) Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm bố trí vốn đối ứng các dự án NGO; các dự án ODA thực hiện theo chương trình thông báo qua dự toán chi ngân sách tỉnh và trợ cấp có mục tiêu cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố; các dự án ODA phân cấp, giao Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định đầu tư theo mức vốn thông báo của nhà tài trợ; các chương trình, dự án của Chính phủ giao cho huyện, thị xã, thành phố quản lý, trừ trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh có quy định khác đối với từng chương trình, dự án cụ thể;

e) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc cân đối, bố trí vốn của mình trong phạm vi phân cấp theo luật định.

6. Phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách huyện, thị xã, thành phố

Phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cấp huyện được bố trí cho các đối tượng được quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công và được phân theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 38 của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Quốc phòng: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu quốc phòng, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách của huyện, thị xã, thành phố.

b) An ninh và trật tự, an toàn xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu an ninh và trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, điều tra phòng, chống tội phạm, thi hành án hình sự, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách của huyện, thị xã, thành phố.

c) Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp thuộc các cấp học từ mầm non đến trung học cơ sở công lập; riêng thị xã, thành phố bao gồm cả các trường trung học phổ thông công lập; các trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên của huyện, thị xã, thành phố.

d) Y tế, dân số và gia đình: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu về y tế từ cấp xã trở xuống.

e) Văn hóa, thông tin: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu bảo vệ, bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, văn hóa dân tộc; thư viện, bảo tàng, văn hóa cơ sở; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa do huyện, thị xã, thành phố quản lý.

g) Phát thanh, truyền hình, thông tấn: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát thanh nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu của địa phương.

h) Thể dục, thể thao: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao do huyện, thị xã, thành phố quản lý.

i) Bảo vệ môi trường: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

- Môi trường: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, rác thải, nước thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện, thị xã, thành phố.

- Tài nguyên: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo vệ tài nguyên thiên nhiên thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện, thị xã, thành phố.

k) Các hoạt động kinh tế: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

- Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp,

thủy lợi và thủy sản; kinh tế nông thôn (bao gồm xây dựng nông thôn mới, cung cấp nước sạch và bảo đảm vệ sinh môi trường nông thôn, phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã, bố trí, sắp xếp lại dân cư nông thôn, định canh, định cư, ổn định di dân tự do và tái định cư); phát triển giống cây trồng, vật nuôi; trồng, bảo vệ và phát triển rừng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cháy rừng, dịch bệnh do huyện, thị xã, thành phố quản lý; các kênh cấp 2 (ngoài các dự án thủy lợi do tỉnh đầu tư đồng bộ), các công trình kênh, cống, đê bao nội đồng.

- Công nghiệp: Cấp điện nông thôn, hải đảo phục vụ điện khí hóa các điểm dân cư lẻ do yêu cầu cấp thiết của địa phương.

- Giao thông: Kết cấu giao thông đường đô thị, đường huyện, đường xã, giao thông nông thôn trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

- Khu công nghiệp và khu kinh tế: Hạ tầng các cụm công nghiệp do huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Thương mại: Các dự án chợ dân sinh, chợ và trung tâm thương mại cấp huyện, thị xã, thành phố trở xuống (ngoài các chợ, Khu thương mại đầu mối cấp tỉnh).

- Cấp nước, thoát nước: Các dự án cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải cho các Cụm dân cư, trung tâm xã do huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Kho tàng: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị kho tàng, kho lưu trữ chuyên dụng, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng do huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Du lịch: Cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch do huyện, thị xã, thành phố quản lý, khai thác.

- Công nghệ thông tin: Hạ tầng thông tin số, kinh tế số; hiện đại hóa công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu; các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ quốc gia dùng chung; an toàn, an ninh mạng của huyện, thị xã, thành phố.

- Quy hoạch: Các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của huyện, thị xã, thành phố.

- Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới của huyện, thị xã, thành phố.

l) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ mục tiêu xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, nhà nước của huyện, thị xã, thành phố.

m) Xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của các cơ sở điều

dưỡng, phục hồi chức năng, nuôi dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe người lao động; xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ; cơ sở cai nghiện và trợ giúp xã hội khác của cấp huyện.

n) Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật: Hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng, chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc đối tượng đầu tư công chưa phân loại được vào 12 ngành, lĩnh vực nêu trên.

Trường hợp dự án có nhiều hạng mục đầu tư thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau thì việc phân loại dự án theo ngành, lĩnh vực sẽ căn cứ vào mục tiêu chính của dự án. Riêng đối với dự án có nhiều hạng mục đầu tư thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau, trong đó có mục tiêu quốc phòng, an ninh nhưng không phải là mục tiêu chính, phân loại dự án theo ngành quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

7. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước của ngân sách các huyện, thị xã, thành phố

a) Tiêu chí dân số:

- Điểm theo tiêu chí dân số của các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức sau:

$$D_{DSi} = \frac{DS_i}{\text{Min}(DS_1, \dots, DS_n)}$$

Trong đó:

+ D_{DSi} : Điểm của tiêu chí dân số của các huyện, thị xã, thành phố.

+ DS_i : Dân số của các huyện, thị xã, thành phố của năm 2019.

+ n : Số huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Nguồn số liệu lấy theo Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2019.

b) Tiêu chí diện tích:

- Điểm theo tiêu chí diện tích của các huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức sau:

$$D_{DTi} = \frac{DT_i}{\text{Min}(DT_1, \dots, DT_n)}$$

Trong đó:

+ D_{DTi} : Điểm của tiêu chí diện tích của các huyện, thị xã, thành phố.

+ DT_i : Diện tích của các huyện, thị xã, thành phố của năm 2019.

+ n : Số huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Nguồn số liệu lấy theo Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2019.

c) Tiêu chí thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (trừ thu xuất nhập khẩu, thu tiền sử dụng đất và thu khác ngân sách nhà nước):

- Bảng định mức điểm thu ngân sách:

Mức thu ngân sách (Triệu đồng)	Điểm	Ghi chú
<=20.000	1	Điểm của từng mức thu ngân sách cụ thể tính theo công thức nội suy
60.000	1,5	
120.000	2,1	
180.000	2,8	
240.000	3,6	
300.000	4,5	
360.000	5,5	
420.000	6,6	
480.000	7,8	
540.000	9,1	
>540.000		Ngoại suy theo điểm của mức thu NS từ 480-540 tỷ đồng.

- Nội suy điểm thu ngân sách được tính theo công thức sau:

$$D_{NSi} = D_{NSb} - \frac{(D_{NSb} - D_{NSa})}{(T_{NSb} - T_{NSa})} \times (T_{NSb} - T_{NSi})$$

- Ngoại suy điểm thu ngân sách đối với các mức thu ngân sách lớn hơn 540 tỷ đồng được tính theo công thức sau:

$$D_{NSi} = D_{NSb} + \frac{(D_{NSb} - D_{NSa})}{(T_{NSb} - T_{NSa})} \times (T_{NSi} - T_{NSb})$$

Trong đó:

+ D_{NSi} : Điểm của tiêu chí thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (trừ thu xuất nhập khẩu, thu tiền sử dụng đất và thu quản lý khác ngân sách nhà nước) của các huyện, thị xã, thành phố.

+ D_{NSa} : Điểm của mức thu ngân sách cận dưới mức thu ngân sách cần tính.

+ D_{NSb} : Điểm của mức thu ngân sách cận trên mức thu ngân sách cần tính.

+ T_{NSa} : Mức thu ngân sách cận dưới mức thu ngân sách cần tính.

+ T_{NSb} : Mức thu ngân sách cận trên mức thu ngân sách cần tính.

+ T_{NSi} : Dự toán thu ngân sách của huyện, thị xã, thành phố.

- Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (trừ thu xuất nhập khẩu, thu tiền sử dụng đất và thu quản lý khác ngân sách nhà nước): căn cứ dự toán thu ngân sách được giao chỉ tiêu năm 2020.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính:

- Điểm đơn vị hành chính các xã, phường, thị trấn được tính theo công thức sau:

$$Đ_{ĐV_i} = m_{i1} \times Đ_1 + m_{i2} \times Đ_2$$

Trong đó:

+ $Đ_{ĐV_i}$: Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính.

+ m_{i1} : Số phường, thị trấn của huyện, thị xã, thành phố.

+ m_{i2} : Số xã của huyện, thị xã, thành phố.

+ $Đ_1$: Điểm của 1 phường, thị trấn = 1.

+ $Đ_2$: Điểm của 1 xã = 0,5.

- Nguồn số liệu lấy theo Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2019.

8. Xác định mức vốn đầu tư phát triển phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố

a) Xác định tổng số điểm và mức vốn cho mỗi điểm:

- Tổng số điểm của các huyện, thị xã, thành phố là:

$$TS = \sum_{i=1}^n Đ_i$$

Trong đó:

+ TS: Tổng số điểm của các huyện, thị xã, thành phố.

+ n: Số huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

+ $Đ_i$: Tổng số điểm của từng huyện, thị xã, thành phố và được tính theo công thức:

$$Đ_i = Đ_{DSi} + Đ_{DTi} + Đ_{NSi} + Đ_{ĐVi}$$

- Mức vốn đầu tư phát triển cho mỗi điểm là:

$$U = \frac{K}{TS}$$

Trong đó:

+ U: Mức vốn đầu tư phát triển cho mỗi điểm.

+ K: Tổng vốn đầu tư phát triển phân bổ chi đầu tư ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố.

b) Mức vốn đầu tư phát triển phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố:

- Mức vốn đầu tư phát triển phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố là:

$$VĐT_i = U \times Đ_i$$

Trong đó:

+ $VĐT_i$: Vốn đầu tư phát triển của các huyện, thị xã, thành phố.

9. Trợ cấp có mục tiêu cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố

a) Ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho ngân sách cấp huyện theo các định hướng, mục tiêu phát triển của địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh và mức vốn phân cấp quản lý đầu tư và xây dựng.

b) Các dự án, công trình được hỗ trợ vốn đầu tư phải có đủ thủ tục và đúng thời gian theo quy định của Luật Đầu tư công. Mức vốn phân cấp quản lý từ ngân sách tỉnh trợ cấp có mục tiêu cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố để đầu tư dự án chỉ lập hồ sơ là Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (bao gồm tất cả các chi phí).

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 18/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Sóc Trăng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa IX, kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 08 tháng 12 năm và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Hộp thư: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT.



Lâm Văn Mẫn